

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LINH  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST

Ngày 31/3/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Cao Cường.

2. Bà Lê Thị My

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Cúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/HSST, ngày 10/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 19/3/2021, đối với bị cáo: **Lê Văn T**, sinh ngày 19/01/1972, tại Quảng Trị; Nơi cư trú: Thôn X, xã G, huyện GL, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Đánh cá; Trình độ văn hóa: 9/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1945; anh, chị, em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ hai; có vợ là chị Lê Thị S, sinh năm 1977 và có 03 con, lớn nhất là 23 tuổi, nhỏ nhất là 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị hại:** Ông Trần P (Đã chết).

\* **Đại diện hợp pháp của bị hại:**

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1964 (là anh ruột).

Trú tại: Thôn X, xã G, huyện GL, tỉnh Q;

2. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1968 (là chị ruột).

Trú tại: Xã B, huyện X, tỉnh B.

3. Ông Trần Văn Lợi, sinh năm: 1972 (là em ruột).

Trú tại: Thôn X, xã G, huyện GL, tỉnh Q;

4. Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1975 (là em ruột).

Trú tại: Thôn T, xã G, huyện GL, tỉnh Q;

Do Ông Trần Văn Đ đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2020 tại UBND xã G, huyện GL). Có mặt.

\* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Bùi Ngọc L, sinh ngày 12/06/1985, trú: số 190/6 đường Nguyễn Lữ,

phường Đ, thị xã A, tỉnh B. Vắng mặt không có lý do.

Ông Lê Văn T, sinh 23/06/2002; trú: Thôn X, xã G, huyện GL, tỉnh Q. Có mặt.

**\* Người làm chứng:**

Ông Hồ Văn L, sinh năm: 10/08/1997.

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Q. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 05/03/2020, Lê Văn T có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe máy biển kiểm soát 74B1- 225.77 (viết tắt là xe máy) của anh Lê Văn Thiệt, chở phía sau ông Trần P, sinh năm 1972, trú tại thôn X, xã G, huyện GL, tỉnh Q, đi ra Quảng Bình theo Quốc lộ 1A mới (đường tránh di tích lịch sử Hiền Lương. Khi đến km 736 + 100m, thuộc địa phận thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, T thấy có một xe ô tô đầu kéo chạy phía trước cùng chiều nên điều khiển xe mô tô sang trái, đi qua làn đường ngược chiều khoảng 60cm – 80cm để vượt lên. Khi T vừa vượt lên thì nhìn thấy phía trước ngược chiều có xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 77C-158.25 kéo theo rơ-mô-cơ biển kiểm soát 77R-021.70 (viết tắt là xe đầu kéo) do anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1985, trú tại phường Đ, thị xã A, tỉnh B đi về hướng xe bị cáo T. Do bị bất ngờ, T không kịp xử lý đã để phần trước bên trái ở các vị trí đè chấn bùn, phuộc, cánh mang của xe máy va chạm với phần bên trái ở vị trí má lốp, lazăng bánh trước của xe đầu kéo gây tai nạn. Hậu quả: ông Trần P bị thương nặng, được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị. Đến ngày 30/03/2020 thì ra viện về nhà tại Thôn X, xã G, huyện GL, tỉnh Q, đến ngày 23/9/2020 thì chết. Xe máy và xe đầu kéo bị hư hỏng.

\* Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định: Nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường tại km 736+100m Quốc lộ 1A mới (đường tránh di tích lịch sử Hiền Lương), thuộc địa phận thôn Phan Hiền, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, đoạn đường thẳng, phẳng, không bị che khuất tầm nhìn. Mặt đường rộng 11 mét được chia thành 02 phần đường ở giữa có vạch sơn màu vàng kẻ rời để phân chia mặt đường thành hai chiều xe chạy ngược chiều nhau mỗi bên rộng 5,5m, bên phải chiều đi có vạch sơn màu trắng kẻ liền để phân chia giữa làn xe cơ giới và xe thô sơ, làn xe thô sơ rộng 2m; xác định cột mốc 736+100m làm điểm mốc. Khám nghiệm theo hướng Đông Hà – Đồng Hới trên hiện trường để lại các dấu vết: (Đánh số 1) Xe đầu kéo dừng trên mặt đường nhựa, quay đầu về hướng Đông nam, đuôi xe quay về hướng Tây bắc. Mép ngoài bánh trước bên trái cách mép chuẩn 7,8m. mép ngoài hàng bánh lốp thứ 2 tính từ trước ra sau bên trái cách mép chuẩn 7,9m. Mép ngoài bánh sau cùng bên trái cách mép chuẩn 8m. (Đánh số 2) là điểm đầu đám nhựa vỡ, áo mưa, mũ bảo hiểm lẫn lộn, kích thước 24m x 4m, tâm điểm đầu (2) cách mép chuẩn 5,3 mét, cách điểm (1) 40m. (Đánh số 3) vết cà trượt không liên tục trên mặt đường dài 21 mét, cách tâm điểm đầu đám (2) về hướng Tây bắc 8,9m, điểm đầu cách mép chuẩn 6,3 mét, điểm cuối cách mép chuẩn 1,2m và kết thúc ở dưới gác để chân phía trước bên trái xe máy. (Đánh số 4) vết cà trượt không liên tục trên mặt đường nhựa dài 22,3 mét, có chiều hướng từ Nam - Đông nam đến Bắc - Tây bắc, điểm đầu đầu

vết (3) cách điểm 4 về hướng Đông bắc 0.7m cách mép chuẩn 5,4m, điểm cuối cách mép chuẩn 1m và kết thúc ở nút tay cầm lái phía bên trái, xe mô tô biển kiểm soát 74B1-225. (Đánh số 5) đám máu có kích thước 0,9m x 0,7m, tâm đám máu, cách mép chuẩn 4,4m, cách điểm đầu vết (4) về hướng Tây bắc dài 9,8m. (Đánh số 6) xe máy nằm nghiêng bên trái trên mặt đường nhựa cách tâm (5) về hướng Tây Bắc 11,6m là tâm trục bánh sau xe máy (6). Đầu quay về hướng Đông Bắc, đuôi quay về hướng Tây Nam, tâm trục bánh trước cách mép chuẩn 0,7m, tâm trục bánh sau cách mép chuẩn 2m.

\*Kết luận giám định vị trí va chạm: Tại Kết luận số 465/KLGD-PC09 ngày 18/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị, kết luận:

Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe máy xe đầu kéo là: Phần trước bên trái xe máy gồm các vị trí: dè chắn bùn, phuộc, cánh mang va chạm với phần bên trái xe đầu kéo gồm các vị trí: má lốp, la zăng, bánh trước. Vị trí va chạm giữa xe máy và xe đầu kéo đầu tiên trên hiện trường là khu vực bắt đầu từ dấu vết đánh số 02 đến trước điểm đầu dấu vết đánh số 04, được mô tả trong sơ đồ khám nghiệm. Bản kết luận giám định số 829A/C09C-Đ1 ngày 31/7/2020 của phân viện Khóc học Hình sự tại, Thành phố Đà Nẵng xác nhận: “căn cứ vào các dấu vết ghi nhận trong hồ sơ gửi giám định thì không có cơ sở xác định điểm va chạm đầu tiên của hai phương tiện là xe mô tô biển kiểm soát 74B1-225.77 và xe ô tô biển kiểm soát 77C-158.25 kéo theo romóc biển kiểm soát 77R-021.70 trên hiện trường thuộc phần đường của xe chiều nào”.

Kết luận giám định số 402/KLGD/PC09 ngày 22/5/2020 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Quảng Trị xác định: Tốc độ của xe ô tô trong thời gian từ 11h18'00'' đến 11h19'00'' ngày 05/03/2020 là: tốc độ từ từ 11:18:19 đến 11:18:47 là 57km/h; từ 11:19:05 đến 11:19:25 là 56km/h; từ 11:19:38 đến 11:20:17 là 0,0km/h (bút lục: 48; 57; 64; 71; 78; 85).

\*Kết luận giám định pháp y: Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 85/TgT ngày 20/4/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Quảng Trị kết luận: Ông Trần P, sinh năm 1972. Trú tại: thôn Xuân Lộc, xã G, huyện GL, tỉnh Q, do thương tích gây nên là 76%.

\*Kết luận định giá định tài sản: Bản kết luận giám định tài sản số 269/BKLĐGTS ngày 26/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xác nhận: giá trị thiệt hại tài sản tại thời điểm ngày 05/03/2020 của xe máy là 1.666.000 đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 420/BKLĐGTS ngày 07/07/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị xác nhận: giá trị thiệt hại tài sản tại thời điểm ngày 05/03/2020 của xe đầu kéo là 1.300.000 đồng.

\* Xác định năm sinh của bị cáo: Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có hai năm sinh khác nhau là 1971 và 1972. Lê Văn T, sinh năm 1971 theo Giấy chứng minh nhân dân số 191299261, cấp ngày 06/7/2012, Lê Văn T, sinh năm 1971 theo Giấy phép lái xe số 450142003979 của Sở Giao thông Vận tải Quảng Trị được cấp theo Chứng minh nhân dân được cấp năm 2012 và Lê Văn T theo Giấy chứng minh nhân dân số 191299261, cấp ngày 06/7/2020 được xác định là một người; hiện nay sử dụng Giấy chứng minh nhân dân số 191299261, cấp ngày 06/7/2020. Sự khác nhau về năm sinh trong các giấy chứng minh nhân dân là do điều

chính theo trích lục khai sinh số 189/TLKS-KS ngày 03/7/2020 của UBND xã Gio Việt.

Cáo trạng số 05/CT-VKS-ĐH ngày 09/03/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị truy tố Lê Văn T về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát: Giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*"

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Bị cáo nói lời sau cùng đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt đồng thời cho bị cáo được hưởng án treo; Đại diện của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo, nếu phạt tù thì cho bị cáo hưởng án treo; những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì thêm về việc bồi thường dân sự và xử lý vật chứng của vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng - Người tiến hành tố tụng.

[2] Nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đó là: Các Biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông (xe máy và xe đầu kéo); Các Kết luận giám định; Lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn điều tra, truy tố. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Lê Văn T đã có hành vi điều khiển xe mô tô vượt xe ô tô cùng chiều, tránh xe ngược chiều không đảm bảo quy tắc an toàn quy định tại khoản 2 điều 14, khoản 1 Điều 17 Luật giao thông đường bộ, gây tai nạn, hậu quả làm ông Trần P bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên 76% đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự và an toàn công cộng, sức khỏe của người dân, gây mối lo ngại cho mọi người khi tham gia giao thông nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình gây ra; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ

luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng ổn định cho thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng thêm các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là thỏa đáng.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn T và đại diện hợp pháp của bị hại đã tự thỏa thuận về mức bồi thường (40.000.000 đồng), bị cáo đã thực hiện xong; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Ngọc L tự nguyện hỗ trợ gia đình bị hại 5.000.000 đồng, nay không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra tạm giữ 01 ô tô biển kiểm soát 77C-158.25 kéo theo romóoc biển kiểm soát 77R-021.70, 01 thiết bị giám sát hành trình Model TG007S, 01 giấy phép lái xe hạng FC số 520095003204 của anh Bùi Ngọc L; xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 74B1- 225.77, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô – xe máy số 015893, biển số xe ghi trên giấy là 74B1-225.77, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe mô tô – xe máy số: 200258711/XMBB.6 thuộc quyền sở hữu của Ông Lê Văn Thiệt, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu. Các bên không có ý kiến yêu cầu gì thêm nên không xét.

[5] Các vấn đề khác: Căn cứ Điều 6 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch quy định: “Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân; Mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung ngày, tháng, năm sinh phải phù hợp với Giấy khai sinh của người đó, chính vì vậy việc xác định lý lịch của bị cáo có năm sinh 1972 là đúng quy định, Giấy phép lái xe số 450142003979 của Sở Giao thông Vận tải Quảng Trị cấp cho bị cáo Lê Văn T, sinh năm 1971 theo Chứng minh nhân dân số 191299261, cấp ngày 06/7/2012 của Công an tỉnh Quảng Trị là hợp lệ.

Việc bị hại ông Trần P chết vào ngày 23/9/2020, Đại diện hợp pháp của bị hại cho rằng ông Phúc chết do có tiền sử bệnh cao huyết áp nên không báo cáo với cơ quan Cảnh sát điều tra mà tổ chức khâm liệm theo thủ tục của địa phương. Đại diện hợp pháp của bị hại không đồng ý để Cơ quan điều tra mở quan tài để khám nghiệm tử thi và cam đoan tự chịu trách nhiệm với việc làm của mình đồng thời không có bất cứ khiếu nại nào về nguyên nhân chết của ông Trần P nên không có cơ sở để xem xét việc ông Trần P chết có liên quan đến tai nạn do bị cáo gây ra. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát chỉ truy tố bị cáo đối với thiệt hại về sức khỏe 76% là có cơ sở.

Đối với Giấy phép lái xe số 450142003979 do Sở giao thông tỉnh Quảng Trị cấp ngày 31/07/2014, mang tên Lê Văn T là tài liệu có liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung nên cần trả lại cho T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, phạm tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Văn T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 31/3/2021.

*Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện GL, tỉnh Q giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp bị cáo Lê Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.*

*Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 và Điều 336 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2021), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Vĩnh Linh;
- Bị cáo, những người TGTT khác;
- VKSND tỉnh Q.Trị;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Công an huyện Vĩnh Linh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Linh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vĩnh**